

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 560/2023/HS-PT
Ngày 18 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;
Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N, xét xử phúc
thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 606/2023/TLPT-HS ngày 06
tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Trần Đình G và các bị cáo khác, do có kháng cáo
của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 28/4/2023
của Tòa án nhân dân tỉnh N.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Trần Đình G, sinh năm 1963; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi
thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn L (thôn V cũ), xã M, huyện M, tỉnh N; Quốc tịch:
Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp:
Kinh doanh; con ông Trần Đình T và bà Trần Thị T (đều đã chết); có vợ Hoàng
Thị L (đã chết); vợ thứ hai là Phạm Thị C; bị cáo có 04 con (con lớn nhất sinh
năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày
28/6/1990, Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 05 năm tù giam về tội
“Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa” (đã được xóa án tích). Ngày 17/9/2020, Công
an tỉnh N ra Quyết định số 02/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành

vi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp (đã hết thời hiệu được coi là chưa bị xử lý hành chính); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2022 và gia hạn tạm giam đến hết ngày 06/3/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N theo Lệnh tạm giam về tội “Trốn thuế”. Có mặt;

2. Phạm Thị H, sinh năm 1989; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn M, huyện M, tỉnh N; nơi ở hiện tại: thôn Bún, xã M1, huyện M, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty cổ phần DVTL H; con ông Phạm Quang H và bà Lê Thị T; có chồng Trần Ngọc Đ và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2022 và gia hạn tạm giam đến hết ngày 06/3/2023. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N theo Lệnh tạm giam về tội “Trốn thuế”. Ngày 03/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N có quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại. Có mặt;

3. Trần Thị H1, sinh năm 1976; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn C (thôn C cũ), xã M2, huyện M, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty cổ phần DVTL H; con ông Trần Xuân N và bà Trần Thị L; có chồng là Hà Hải T (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2022 và gia hạn tạm giam đến hết ngày 06/3/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N theo Lệnh tạm giam về tội “Trốn thuế”. Có mặt;

4. Đỗ Minh T, sinh năm 1987; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi thường trú: 11/20/71 P, phường H, thành phố N, tỉnh N; nơi ở hiện tại: 146/114 M, phường T, thành phố N, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty cổ phần DVTL H; con ông Đỗ Minh T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Bùi Thị V và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2022 và gia hạn tạm giam đến hết ngày 06/3/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N theo Lệnh tạm giam về tội “Trốn thuế”. Có mặt;

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Kim Q không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh N, nội dung vụ án như sau:

1. Về hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Công ty cổ phần dịch vụ tang lễ H (viết tắt là Công ty H) có địa chỉ tại: Công viên nghĩa trang T, xã M, huyện M, tỉnh N được thành lập dựa trên nền tảng là Công ty TNHH dịch vụ và thương mại H. Sau năm lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngày 26/6/2013 Công ty cổ phần dịch vụ tang lễ H được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 5. Địa chỉ trụ sở chính tại: Công viên nghĩa trang T, xã M, huyện M, tỉnh N. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Vũ Thị Kim Q với chức danh là Tổng Giám đốc. Các cổ đông của Công ty gồm: Bà Vũ Thị Kim Q; ông Trần Đình G; ông Lưu Văn L, sinh năm 1955, trú tại 35I Ô 19, phường H, thành phố N, tỉnh N. Trong thời gian quản lý, điều hành hoạt động của Công ty H, ngày 07/9/2019, bà Vũ Thị Kim Q, là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ký hợp đồng với Phòng bán hàng M - Trung tâm kinh doanh VNPT N về việc gia hạn cung cấp dịch vụ chữ ký số (VNPT-CA), hóa đơn điện tử và dịch vụ kê khai BHXH qua mạng (VNPT - I - VAN), do bà Q đã ký hợp đồng từ trước. Sau đó, Phòng bán hàng M- Trung tâm kinh doanh VNPT N cung cấp hai chứng thư số dùng để ký số điện tử khi xuất hóa đơn điện tử, báo cáo thuế điện tử và kê khai bảo hiểm xã hội. Từ đó, bà Q đã giao cho bộ phận thu ngân và bộ phận kế toán của Công ty sử dụng chữ ký số của mình để xuất hóa đơn; nộp báo cáo thuế, báo cáo tài chính và nộp các bản kê khai bảo hiểm xã hội qua mạng internet về Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M và phòng Bảo hiểm xã hội huyện M theo quy định.

Tuy nhiên, các cổ đông của Công ty liên tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ, tranh chấp lẫn nhau về số vốn góp cũng như tư cách thành viên công ty và liên quan đến việc chuyển đổi hình thức tổ chức Công ty. Quá trình tranh chấp các bên đã khởi kiện tranh chấp kinh doanh thương mại đến Tòa án và được các cấp Tòa án xét xử. Sau nhiều lần Tòa án các cấp (sơ thẩm và phúc thẩm) xét xử, ngày 06/3/2017 và ngày 08/8/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên hai bản

án gồm: Bản án số 41/2017/KDTM-PT và Bản án số 12/2019/DSPT. Tại hai bản án trên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn L: Hủy biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 21/6/2013; hủy Quyết định miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc với ông Lưu Văn L, hủy Quyết định bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Vũ Thị Kim Q (*Bản án số 41/2017/KDTM-PT*).

+ Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh N cấp cho Công ty H (*Bản án số 41/2017/KDTM-PT*).

+ Kiến nghị với Công ty cổ phần dịch vụ tang lễ H phải T hành đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp (*Bản án số 41/2017/KDTM-PT*).

+ Xác định vốn góp vào Công ty cổ phần dịch vụ tang lễ H, cụ thể: ông Long là 527.134.500đ, ông Giao 6.000.000.000đ, bà Q 7.650.000.000đ, ông Tân 822.900.000đ (*Bản án số 41/2017/KDTM-PT*).

+ Xác định vốn góp của ông Giao tại Công ty TNHH H là 2.550.000.000đ đã được chuyển sang Công ty cổ phần H (*Bản án số 12/2019/DSPT*).

Tuy nhiên, các bên không thực hiện theo nội dung bản án mà vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp. Ngày 08/5/2020, Trần Đình G hợp đồng thuê lực lượng bảo vệ của Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ L có mặt tại Công ty H lấy lý do làm nhiệm vụ bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự cho công ty. Kể từ khi có lực lượng bảo vệ của Công ty L thì bà Q cho rằng Trần Đình G đưa người đến để toàn quyền điều hành công ty. Vì vậy, bà Q cùng nhiều nhân viên cũ của Công ty không đến Công ty để làm việc. Ngày 11/5/2020, bà Q làm “Thông báo về việc tạm dừng hoạt động lò hỏa táng tại Đài hóa thân T của Công ty cổ phần dịch vụ tang lễ H” với nội dung: bà Q bị ngăn cản không được quay trở lại Công ty, bà Q tuân thủ các quy định của pháp luật để tạm dừng hoạt động đốt lò, các giao dịch không được thực hiện bởi bà Vũ Thị Kim Q trong thời gian lò đốt tạm dừng hoạt động. Sau đó bà Q gửi Thông báo này đến các Cơ quan, ban ngành. Kể từ ngày 08/5/2020, Trần Đình G lấy tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị đã đứng ra quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty H. Trần Đình G chỉ đạo Trần Thị H1 - tổ trưởng tổ thu ngân (được Trần Đình G tuyển dụng từ ngày 11/5/2020) và bộ phận kế toán là Phạm Thị H và Nguyễn Thị T1 tiếp tục sử dụng chữ ký số (chữ

ký điện tử) mang tên bà Vũ Thị Kim Q để thực hiện việc xuất hóa đơn điện tử, báo cáo thuế, kê khai bảo hiểm xã hội. Nhận thấy chỉ đạo của Trần Đình G là trái với quy định của pháp luật vì không có sự đồng ý của bà Q nên Phạm Thị H đã tham mưu, có ý kiến phản đối nhưng do sự chỉ đạo quyết liệt của Trần Đình G nên buộc H phải làm theo. H soạn một bản “Thông báo (V/v: Chỉ đạo công việc bộ phận kế toán, phòng thu ngân”, đề ngày 08/5/2020 để Trần Đình G ký có nội dung tiếp tục sử dụng chữ ký số của giấy phép kinh doanh lần 05 ngày 26/6/2013 của công ty cổ phần DVTL H cho các công việc sau: Xuất hóa đơn đỏ cho khách hàng; Nộp báo cáo thuế” và sau này giao cho H1 01 bản thông báo trên, H1 để tại tủ ở Công ty mà không nói cho ai. Thực hiện sự chỉ đạo này, H hướng dẫn H1 sử dụng chữ ký số của bà Q để xuất Hoá đơn điện tử khi bán hàng. Đến tháng 7/2021 bà TH1 nghỉ việc. Trần Đình G tuyển dụng Đỗ Minh T vào làm nhân viên Văn phòng với nhiệm vụ giúp H thực hiện công tác kế toán. H đã hướng dẫn T sử dụng chữ ký số của bà Q để đưa vào các Hoá đơn điện tử, Báo cáo thuế. Cũng trong thời gian này, Trần Đình G đã thuê Công ty cổ phần Chìa khóa Tài chính (hay còn gọi là Công ty F) tại địa chỉ số 11 ngách 146, ngõ Thái Thịnh 1, Q. Đ, TP H về làm lại sổ sách kế toán, làm báo cáo thuế, báo cáo tài chính cho Công ty H để nộp về cơ quan quản lý thuế. Kể từ thời điểm này, Đỗ Minh T còn có nhiệm vụ tập hợp toàn bộ hóa đơn đầu vào như: Hóa đơn mua tiêu, quách, áo quan, H nhài, vải đỏ, hóa đơn tiền điện, tiền nước,...để cung cấp cho Công ty F làm báo cáo, kê khai thuế cho Công ty H. Ngoài ra, T biết việc Trần Ngọc Q và Phạm Thị H trao đổi nội dung thống nhất không chế số lượng ca hỏa táng và số lượng hàng hóa bán ra khoảng 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để báo cáo với cơ quan thuế nhằm mục đích trốn thuế. Tháng nào bộ phận thu ngân xuất hóa đơn không đủ với số lượng hóa đơn cần để kê khai thuế thì T có nhiệm vụ xuất bổ sung hóa đơn, khi đó T sẽ sử dụng chữ ký số đứng tên bà Vũ Thị Kim Q do bộ phận kế toán quản lý để ký xuất hóa đơn giá trị gia tăng với nội dung ghi trong hóa đơn là “Khách hàng không nhận hóa đơn” rồi cung cấp cho Công ty F để làm báo cáo, kê khai thuế với Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M cho Công ty H. Trong thời gian hoạt động, ngày 22/4/2021, Trần Đình G đại diện Công ty H và Trung tâm kinh doanh VNPT N ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ VNPT-CA IVAN – BHXH về việc gia hạn cung cấp gói dịch vụ kê khai BHXH và dịch vụ chữ ký số công cộng. Ngày 28/4/2021, Giao ký Hợp đồng với VNPT mua 50.000 hoá đơn điện tử đồng thời ký Thông báo phát

hành số hoá đơn này và được Chi cục thuế khu vực thành phố N – M chấp thuận. Khi bà Q có đơn tố cáo Trần Đình G về việc sử dụng chữ ký số đứng tên bà mà không được sự cho phép, đồng ý của bà và có Văn bản tạm dừng chứng thư số ngày 22/7/2023 gửi đến VNPT, Phòng bán hàng M - Trung tâm kinh doanh VNPT N đã thông báo tạm ngừng cung cấp chứng thư số.

Trong thời gian từ 08/5/2020 đến 22/7/2022, Công ty H đã phát hành 11.280 hoá đơn điện tử và các tài liệu trong hồ sơ khai thuế GTGT từ quý 2-2020 đến quý 4/2021; Hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm 2020, năm 2021; Hồ sơ quyết toán thuế TNCN năm 2020, năm 2021; Báo cáo tài chính năm 2020, năm 2021; 17 báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách tham gia BHXH, BHYT, BHTN, thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 8/2022; 10 danh sách đề nghị giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2022 được ký bởi chữ ký số đứng tên bà Vũ Thị Kim Q.

Tại Kết luận giám định số 1041/KL-KTHS, ngày 18/7/2022, phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Đình G trên “Thông báo (V/v: Chỉ đạo công việc bộ phận kế toán, phòng thu ngân”, đề ngày 08/5/2020 do Trần Đình G ký, viết ra.

Quá trình điều tra, Trần Đình G không thừa nhận hành vi chỉ đạo nhân viên tiếp tục sử dụng chữ ký số đứng tên bà Q.

Quá trình điều tra, Phạm Thị H thừa nhận hành vi sử dụng chữ ký số đứng tên bà Q như trên và khai nhận: Thời điểm bà Q nghỉ việc không bàn giao lại tài liệu, sổ sách, con dấu của Công ty, Trần Đình G đứng ra tiếp quản, điều hành hoạt động của Công ty. Do không thể làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty mà Công ty cần tiếp tục hoạt động nên mặc dù bà Q có thông báo về việc Công ty dừng hoạt động nhưng Giao vẫn điều hành cho hoạt động trở lại. Tại thời điểm hoạt động trở lại Giao gọi bà TH1, H và H1 lên phòng và chỉ đạo tiếp tục sử dụng chữ ký số đang dùng để xuất hoá đơn. Khi bà Q nghỉ thì USB chứa Token chữ ký số vẫn được cài vào máy tính tại phòng thu ngân và phòng kế toán. Khi ông Giao chỉ đạo Công ty tiếp tục sử dụng chữ ký số của bà Q thì H đã nhờ anh Hoàng Xuân Tình là nhân viên VNPT hướng dẫn H1 và T sử dụng chữ ký số. Từ 08/5/2020 đến tháng 9/2021 H đã sử dụng chữ ký số để xuất hóa đơn, những khách hàng không lấy hóa đơn và ghi là “Khách hàng hỏa táng”, kê khai nộp bảo hiểm xã hội, kê khai thuế. Khi Công ty H ký Hợp đồng với F thì việc xuất bù hóa đơn đối với những khách hàng không lấy hóa

đơn do T thực hiện, kê khai nộp bảo hiểm xã hội và kê khai thuế do F thực hiện. H làm nhiệm vụ kế toán nội bộ và cùng T cung cấp các chứng từ cho F khi F yêu cầu.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Minh T không thừa nhận bản thân có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức vì cho rằng khi giúp H xuất hoá đơn điện tử không biết chữ ký số đứng tên bà Q, chỉ làm theo sự hướng dẫn của H. Tuy nhiên, T cũng thừa nhận khi được tuyển dụng vào làm tại Công ty thì biết Trần Đình G là Chủ tịch Hội đồng quản trị, bà Vũ Thị Kim Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty và trong quá trình làm việc tại Công ty không thấy bà Q có mặt. Bản thân T tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán, biết nội bộ Công ty mâu thuẫn khi bà TH1 từ chối bàn giao chứng từ, sổ sách kế toán giai đoạn trước năm 2021 cho T. Sau khi H nghỉ và cơ quan điều tra yêu cầu cung cấp tài liệu do bà Q có đơn tố cáo thì T vẫn tiếp tục sử dụng chữ ký số để xuất hoá đơn.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị H1 thừa nhận hành vi như nêu trên và khai nhận: Ngày 10/5/2020 H1 được tuyển dụng vào làm bộ phận thu ngân và được phân công làm Tổ trưởng tổ tầng 1. Tổ tầng 1 gồm 03 bộ phận trong đó có bộ phận thu ngân. Khi H1 vào làm thì Công ty chưa hoạt động trở lại nên H1 học phân biệt tiểu, quách và giá tiền. Ngày 17/5/2020, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động, tại thời điểm này Trần Đình G chỉ đạo bộ phận thu ngân làm nhiệm vụ thu tiền, xuất hóa đơn khi khách có nhu cầu và H1 được H hướng dẫn sử dụng chữ ký số để xuất hóa đơn. Thời gian đầu bộ phận thu ngân gồm H1, anh Nguyễn Văn Chuyển chịu trách nhiệm xuất hoá đơn cho khách hàng, anh Nguyễn Mạnh Toàn và chị Phạm Thị Thu Hà thực hiện thu ngân. Sau đó khoảng tháng 7/2020 chị Phạm Thị Huệ được tuyển dụng vào thay cho anh Chuyển. Bộ phận thu ngân chia làm 02 ca để thực hiện, 01 ca gồm H1 và anh Toàn; 01 ca gồm chị Huệ và chị Hà. Khi Huệ được tuyển dụng vào làm thì H1 là người hướng dẫn chị Huệ sử dụng chữ ký số để xuất hoá đơn. Việc sử dụng chữ ký số đứng tên bà Q là do hiểu biết pháp luật hạn chế, tuân theo sự chỉ đạo của Trần Đình G.

Tại cơ quan điều tra, bà Nguyễn Thị T1 khai nhận: Sau ngày 08/5/2020, bà Q không đến Công ty làm việc, Trần Đình G đứng lên điều hành Công ty. Do thấy Giao không phải là người đại diện theo pháp luật, việc điều hành không đúng nên trong cuộc họp của Công ty, bà TH1 đã đề nghị Giao phải mời bà Q đến bàn giao và thống nhất việc lãnh đạo chỉ đạo nhưng sau đó không thấy bà Q

đến mà Giao vẫn điều hành, bản thân bà TH1 lại bị K dằn dầy nên đã xin Giao cho nghỉ nhưng Giao chưa cho nghỉ và yêu cầu bà TH1 hướng dẫn H thực hiện công việc kế toán. Bà TH1 buộc phải đến hỗ trợ H nhưng chỉ cập nhật sổ sách, chứng từ vào máy còn mọi hoạt động thu, chi, báo cáo, kê khai thuế do H làm theo sự chỉ đạo trực tiếp của Giao.

Tại cơ quan điều tra, chị Phạm Thị H khai nhận được phân công nhiệm vụ xuất hoá đơn trong ca làm của mình. Việc dùng chữ ký số do H1 hướng dẫn, không biết chữ ký số đứng tên bà Q. Khi được tuyển dụng vào làm từ ngày 31/7/2020, chị chỉ biết Trần Đình G là người đứng đầu, quản lý điều hành Công ty H. Khi cơ quan điều tra bắt Trần Đình G thì mới biết bà Q là Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tại cơ quan điều tra, chị Phạm Thị Thu H khai nhận trong ca làm của chị thì chị Huệ là người xuất hoá đơn, không biết sử dụng chữ ký điện tử và không xuất hoá đơn mà chị chỉ làm nhiệm vụ thu tiền.

Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Mạnh T khai nhận: anh làm nhiệm vụ thu tiền trong ca làm của mình. Thỉnh thoảng H1 nhờ anh Toàn xuất hóa đơn giúp nếu H1 đi ra ngoài. Anh T không biết thông tin và chữ ký số, việc sử dụng chữ ký số được H1 hướng dẫn.

Tại cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị Ngọc L là nhân viên Công ty F được giao nhiệm vụ tư vấn làm tờ khai thuế cho Công ty H khai nhận: Tháng 8/2021 được phân công rà soát, kiểm tra sổ sách, báo cáo thuế từ 01/01/2020 đến hết quý II/2021 và tiếp tục tư vấn, làm Tờ khai thuế từ quý III/2021 trở đi cho Công ty H. Trong quá trình làm việc với H và T thì biết Trần Đình G là Chủ tịch Hội đồng quản trị, bà Vũ Thị Kim Q là người đại diện theo pháp luật đã nghỉ việc. Hàng quý chị L làm các Tờ khai báo cáo thuế trên cơ sở hóa đơn đầu vào do Công ty H cung cấp và hóa đơn đầu ra do chị L trực tiếp tải về từ trang Hóa đơn điện tử của Công ty H. Sau đó gửi Tờ khai báo cáo thuế qua mail cho Công ty H để kiểm tra, nếu đúng thì Công ty H tự nộp, nếu Công ty H nhờ chị L thì chị L sử dụng phần mềm UltraView để kê khai nộp thuế giúp, khi đó nhân viên của Công ty H là H hoặc T sẽ nhập mật khẩu của chữ ký số của bà Q để chị L kê khai thuế hộ.

Tại cơ quan điều tra, anh Hoàng Xuân T là nhân viên Phòng bán hàng M – Trung tâm kinh doanh VNPT N khai nhận: Ngày 10/01/2017, Công ty H do bà Q là người đại diện theo pháp luật ký Hợp đồng với VNPT về việc cung cấp

dịch vụ chữ ký số để kê khai báo cáo thuế và nộp BHXH với thời hạn từ 12/4/2017 đến 12/4/2021. Tuy nhiên đến tháng 9/2019, Bộ thông tin và truyền thông thông báo về chữ ký số của nhà mạng VNPT đến ngày 16/12/2019 sẽ hết hạn nên Phòng bán hàng M thông báo đến Công ty H. Ngày 07/9/2019, Công ty H đã ký lại Hợp đồng với VNPT về việc cung cấp dịch vụ chữ ký số điện tử phục vụ kê khai BHXH, kê khai báo cáo thuế với thời hạn sử dụng từ ngày 07/9/2019 đến 07/9/2022; ngày 26/9/2019 ký thêm Hợp đồng cung cấp dịch vụ phát hành hóa đơn điện tử và dịch vụ chữ ký số để ký Hóa đơn điện tử. Trong quá trình thực hiện, thiết bị USB Token cài ở máy tính của Công ty H bị hỏng, việc bổ sung thiết bị khác rất phức tạp nên ngày 22/4/2021, VNPT đã ký hợp đồng với Trần Đình G là đại diện Công ty H về việc gia hạn chữ ký số.

2. Về hành vi “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”

Năm 2003, Trần Đình G nhận chuyển nhượng của ông Vũ Thái H trú tại tổ dân phố số 7, phường M, thành phố P, tỉnh H thửa đất số 227, tờ bản đồ số 18 với diện tích là 150m² đất ở. Sau đó, Trần Đình G tiếp tục nhận chuyển nhượng của 12 hộ dân tiếp giáp phần đất ở này với diện tích 10.381m² đất trồng lúa. Ngày 19/9/2017 Trần Đình G cùng vợ là Phạm Thị C đã được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 280155 đối với diện tích 150m² đất ở.

Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích 10.381m² đất trồng lúa nêu trên, Trần Đình G đã sử dụng như sau: Năm 2004 Trần Đình G xây tường bao quanh khu đất vượt lợp, cao 2,6m, làm sân thảm nhựa Asphalt, diện tích 5.335,26m². Tháng 9/2018 Trần Đình G xây bể ngầm với diện tích mặt là 476,25m²; xây trạm biến áp điện; san lấp mặt bằng với diện tích là 1.376,55m²; xây dựng nhà ở diện tích 183,3m² (trong đó diện tích đất ở hợp pháp là 150m² và trên đất trồng lúa là 33,3m²).

Ngày 23/10/2018, đoàn công tác của UBND xã M, huyện M đã kiểm tra, phát hiện vi phạm nên đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với Trần Đình G về các hành vi: Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang xây dựng các công trình không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Ngày 02/11/2018, UBND huyện M đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2186/QĐ-XPVPHC trong lĩnh vực đất đai đối với Trần Đình G về hành vi “Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang xây dựng các công trình

không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Tổng diện tích vi phạm là 10.489,15m². Theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, mức phạt 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ngày 04/11/2018, UBND xã M đã lập biên bản tổng đạt Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên cho Trần Đình G. Ngày 05/11/2018, Trần Đình G đã chấp hành nộp phạt, không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện gì.

Đến ngày 24/01/2018, Trần Đình G ký Hợp đồng kinh tế số 01/HĐ-UB và số 02/HĐ-UB với UBND xã M, huyện V về việc đấu, giao thầu diện tích canh tác đất nông nghiệp do UBND xã quản lý tại khu vực xứ đồng Góc gáo - Cùi hái, diện tích 17.917m² và xứ đồng Nghĩa trang, diện tích 6.437m², đều thuộc địa phận thôn H, xã M, huyện V. Theo hợp đồng, UBND xã M giao khoán thầu quỹ đất công ích (với tổng diện tích là 24.354m²) do UBND xã quản lý cho Trần Đình G trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2022. Trần Đình G có trách nhiệm cải tạo đất, tổ chức canh tác trên diện tích ghi trong hợp đồng, không được làm ảnh hưởng tới sản xuất và điều hành sản xuất của tập thể và các hộ khác, không được tự ý đôn san, làm thay đổi mục đích sử dụng ghi trong hợp đồng và thanh toán giao nộp sản phẩm đầy đủ, đúng hạn theo mức 60kg/1sào/1năm, quy ra tiền theo giá quy định của UBND tỉnh. Tuy nhiên, trong thời gian hợp đồng, Trần Đình G tiếp tục vi phạm các quy định về sử dụng đất đai. Ngày 25/10/2019, đoàn công tác của Ủy ban nhân dân xã MT đã kiểm tra và phát hiện hành vi vi phạm cụ thể: Tự ý xây dựng nhà bảo vệ với diện tích 55m², chiều dài 11m, rộng 5m, kết cấu tường bằng gạch đỏ vữa xi măng, phần mái lợp tôn; San lấp khoảng 300m² để chôn rác thải (vải vụn) trên diện tích đất nông nghiệp tại khu vực phía Nam xứ đồng Nghĩa trang. Ngày 25/10/2019, Ủy ban nhân dân xã MT, huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 436/QĐ-XPVPHC đối với Trần Đình G về hành vi: “Phá vỡ mặt bằng và sử dụng sai mục đích đất trồng lúa” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, mức phạt 5.000.000đ (năm triệu đồng). Trần Đình G đã chấp hành nộp phạt và không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện gì.

Ngày 09/12/2022, Cơ quan cơ quan điều tra (PC01) - Công an tỉnh N đã ra Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân xã MT ra Quyết định hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 436/QĐ-XPVPHC đối với Trần Đình G. Cùng ngày,

Ủy ban nhân dân xã MT đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên.

Tại cơ quan điều tra, Trần Đình G thừa nhận hành vi như nêu trên và khai nhận thời điểm bị xử phạt vi phạm hành chính bản thân nhận thức được sai phạm và đã nộp phạt.

Ngoài ra, trong quá trình Công ty H hoạt động kinh doanh dưới sự chỉ đạo, điều hành của Trần Đình G có nhiều sai phạm bị tố cáo. cơ quan điều tra, Công an tỉnh N đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “Trốn thuế”, do vụ án có nhiều tình tiết phức tạp cần tiếp tục làm rõ nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự “Trốn thuế” để tiếp tục điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 28/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đình G phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”; Phạm Thị H, Đỗ Minh T, Trần Thị H1 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 228; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Đình G 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Đình G phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2022.

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đỗ Minh T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2022.

4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm Thị H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2022.

5. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trần Thị H1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2022

6. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 341, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Trần Đình G: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”. Tổng số tiền phạt đối với bị cáo Trần Đình G: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị H, Đỗ Minh T, Trần Thị H1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về thu lợi bất chính; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2023, bị cáo Đỗ Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/5/2023, bị cáo Trần Đình G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”. Đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, bị cáo nhận thấy việc xét xử là không đúng người đúng tội và không đúng pháp luật, đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Ngày 09/5/2023, bị cáo Phạm Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/5/2023, bị cáo Trần Thị H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1 đều giữ nguyên nội dung kháng cáo và đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Tòa án cấp sơ thẩm quy kết và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng, không oan.

Bị cáo Trần Đình G khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Tòa án cấp sơ thẩm quy kết và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” là đúng, không oan; tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là không đúng, vì bị cáo được Cục Thi hành án dân sự tỉnh N ra quyết định cho bị cáo là lãnh đạo, chỉ đạo Công ty H, nên bị cáo được sử dụng chữ ký số, nhưng bị cáo cũng thừa nhận chữ ký số này đứng tên bà Q, đồng thời bị cáo đã có hành vi chỉ đạo nhân viên thu ngân, bộ phận

kế toán tiếp tục sử dụng chữ ký số này. Bị cáo cho rằng do nhận thức nên nghĩ chữ ký số đứng tên bà Q đó là tài sản của Công ty. Bị cáo thừa nhận có ký một bản thông báo để chỉ đạo công việc bộ phận kế toán, phòng thu ngân chỉ đạo nhân viên tiếp tục sử dụng chữ ký số của bà Q. Tại lời nói sau cùng bị cáo Giao trình bày, sau khi được Hội đồng xét xử giải thích pháp luật thì bị cáo đã hiểu rõ về hành vi của mình và đồng phạm đã phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết là đúng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì hiện nay bị cáo đang bị tiếp tục điều tra về nhiều tội danh khác.

Các bị cáo Trần Đình G, Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1 đều cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là quá nặng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận; đã tích cực nộp tiền phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Đối với bị cáo Trần Đình G, đã thừa nhận chỉ đạo nhân viên dưới quyền sử dụng chữ ký số của bà Q trong giai đoạn bà Q không làm việc tại Công ty H với số lượng hóa đơn điện tử rất lớn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự thì làm giả từ 6 tài liệu trở lên bị phạt từ 03 năm tù trở lên. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù là phù hợp. Việc sử dụng tài liệu, con dấu của Công ty không hợp pháp thì vẫn phạm tội; vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Đình G. Đối với tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”, bị cáo đã bị xử lý hành chính chưa hết thời hiệu lại tiếp tục vi phạm quy định về sử dụng đất đai, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 18 tháng tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Đình G.

- Đối với bị cáo Đỗ Minh T, tham gia giai đoạn sau tháng 7/2021 với vai trò đồng phạm làm công hưởng lương, thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo Giao. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để từ đó áp dụng

khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, với mức giảm từ 5 đến 6 tháng tù.

- Đối với bị cáo Phạm Thị H, thể hiện thái độ khai báo thành khẩn, Cơ quan điều tra ghi nhận bị cáo hợp tác tốt để sớm kết thúc vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khi phạm tội bị cáo đang mang thai; vì vậy, cần phải mở rộng chính sách KH1 hồng, giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo, với mức giảm từ 3 đến 4 tháng tù.

- Đối với bị cáo Trần Thị H1, tham gia từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020, bị cáo H1 ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo; vì vậy, cần phải mở rộng chính sách KH1 hồng, giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo, với mức giảm từ 3 đến 4 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các cơ quan T hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp. Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Đình G, Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1 trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, người bào chữa cũng như các bị cáo đưa ra các vấn đề để xem xét: Đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung với lý do để khắc phục các thiếu sót trong hồ sơ cần khắc phục vì chưa thực nghiệm điều tra, đối chất giữa các bị cáo; chưa thu thập chứng cứ như USB, chữ ký số tại VNPT cũng như các tài liệu khác; đề nghị xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” cho các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá và nhận định, các vấn đề nêu trên đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá cụ thể từng vấn đề, rất chi tiết; việc Tòa án cấp sơ thẩm phân tích,

nhận định về các vấn đề nêu trên là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không nhắc đề cập cụ thể.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1 đều khai nhận về hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo Trần Đình G khai nhận hành vi phạm tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” là đúng, không oan; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, vì bị cáo cho rằng được sử dụng chữ ký số; tuy nhiên, bị cáo đã thừa nhận chữ ký số này đứng tên người khác, cụ thể là bà Vũ Thị Kim Q, bị cáo đã có hành vi chỉ đạo nhân viên thu ngân, bộ phận kế toán tiếp tục sử dụng chữ ký số này; do nhận thức của bị cáo nên nghĩ chữ ký số đứng tên bà Q đó là tài sản của công ty; bị cáo xác nhận có ký một bản thông báo để chỉ đạo công việc bộ phận kế toán, phòng thu ngân chỉ đạo nhân viên tiếp tục sử dụng chữ ký số của bà Q. Vì vậy, trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa; trên cơ sở đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo thấy phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; Kết luận giám định, hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Kể từ ngày 08/5/2020, sau khi bà Vũ Thị Kim Q không đến Công ty H để làm việc. Trần Đình G lấy tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị đã đứng ra quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty H. Trần Đình G chỉ đạo nhân viên Trần Thị H1, Phạm Thị H, Đỗ Minh T tự ý sử dụng chữ ký số (chữ ký điện tử) mang tên bà Vũ Thị Kim Q - Người đại diện theo pháp luật của Công ty H để thực hiện việc xuất hóa đơn điện tử, báo cáo thuế, báo cáo tài chính, hoá đơn, chứng từ khi nộp thuế mà không được sự đồng ý của bà Q, bản thân bà Q cũng không kiểm soát được các tài liệu này. Phạm Thị H, Trần Thị H1, Đỗ Minh T đã biết rõ bà Vũ Thị Kim Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty H và đã nghỉ làm, bà Q không kiểm soát các tài liệu chứng từ kế toán nhưng các bị cáo vẫn thực hiện theo sự chỉ đạo của Trần Đình G sử dụng chữ ký số đứng tên bà Vũ Thị Kim Q để đưa vào các báo cáo thuế, báo cáo tài chính, hoá đơn, chứng từ khi nộp thuế. Ngày 02/11/2018, Trần Đình G đã bị UBND huyện M đã ra Quyết định số 2186/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với hình thức phạt tiền 30 triệu đồng về hành vi “Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang xây dựng các công trình không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho

phép. Chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính thì Trần Đình G lại tiếp tục có sai phạm. Ngày 25/10/2019, đoàn công tác của Ủy ban nhân dân xã MT đã kiểm tra và phát hiện Trần Văn G tiếp tục có hành vi tự ý xây dựng nhà bảo vệ với diện tích 55m², chiều dài 11m, rộng 5m, kết cấu tường bằng gạch đỏ vừa xi măng, phần mái lợp tôn; san lấp khoảng 300m² để chôn rác thải (vải vụn) trên diện tích đất nông nghiệp tại khu vực phía Nam xứ đồng Nghĩa trang.

[3] Với phân tích, nhận định, căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt bị cáo Trần Đình G về các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Hình sự; xét xử, xử phạt các bị cáo Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1 đều về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, sai nên không có căn cứ để hủy một phần bản án sơ thẩm về tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” như trình bày của bị cáo Trần Đình G.

[4] Xét kháng cáo của từng bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[4.1] Đối với bị cáo Trần Đình G giữ vai trò chủ mưu, trực tiếp chỉ đạo và ép buộc nhân viên cấp dưới do mình trực tiếp quản lý sử dụng chữ ký số đứng tên bà Vũ Thị Kim Q để đưa vào các báo cáo thuế, báo cáo tài chính, hoá đơn, chứng từ khi nộp thuế mà không được sự đồng ý của bà Q nên giữ vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo Đỗ Minh T, với nhiệm vụ giúp H thực hiện công tác kế toán, sử dụng chữ ký số của bà Q để xuất Hoá đơn điện tử, báo cáo thuế. Bản thân T là người có chuyên môn, được đào tạo cơ bản chuyên ngành về tài chính; từ thời điểm được tuyển dụng, Đỗ Minh T còn làm nhiệm vụ tập hợp toàn bộ hóa đơn đầu vào như: hóa đơn mua tiêu, quách, áo quan, H nhài, vải đỏ, hóa đơn tiền điện, tiền nước,...để cung cấp cho Công ty F làm báo cáo, kê khai thuế cho Công ty H. T biết việc Trần Ngọc Q và Phạm Thị H trao đổi nội dung thống nhất không chế số lượng ca hòa tắng và số lượng hàng hóa bán ra khoảng 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để báo cáo với cơ quan thuế nhằm mục đích trốn thuế. Tháng nào bộ phận thu ngân xuất hóa đơn không đủ với số lượng hóa đơn cần để kê khai thuế thì T có nhiệm vụ xuất bổ sung hóa đơn, T sẽ sử dụng chữ ký số đứng tên bà Vũ Thị Kim Q do bộ phận kế toán quản lý để ký xuất hóa đơn giá trị gia tăng với nội dung ghi trong hóa đơn là “Khách hàng không nhận

hóa đơn” rồi cung cấp cho Công ty F để làm báo cáo, kê khai thuế với cơ quan Thuế; sau khi hành vi bị phát hiện, bị cáo vẫn tiếp tục cùng bị cáo Trần Đình G sử dụng chữ ký số đứng tên bà Vũ Thị Kim Q để xuất hóa đơn, nên bị cáo giữ vai trò thứ hai. Đối với các bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị H1 có vai trò giúp sức, làm theo sự chỉ đạo của Trần Đình G. Phạm Thị H nhận thấy chỉ đạo của Trần Đình G là trái với quy định của pháp luật vì không có sự đồng ý của bà Q nên H đã tham mưu, có ý kiến phản đối nhưng do sự chỉ đạo quyết liệt của Trần Đình G và ngày 08/5/2020. Trần Đình G ký một bản “Thông báo (V/v: Chỉ đạo công việc bộ phận kế toán, phòng thu ngân” với nội dung tiếp tục sử dụng chữ ký số của giấy phép kinh doanh lần 05 ngày 26/6/2013 của Công ty cổ phần dịch vụ tang lễ H cho các công việc xuất hóa đơn đỏ cho khách hàng; nộp báo cáo thuế” nên buộc H phải làm theo. Thực hiện sự chỉ đạo này, H hướng dẫn H1 sử dụng chữ ký số của bà Q để xuất Hoá đơn điện tử khi bán hàng, nên các bị cáo giữ vai trò thấp hơn các bị cáo Giao, T. Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự đánh giá về vị trí, vai trò của từng bị cáo như đã phân tích, nhận định đối với từng bị cáo là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Đình G được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình và xử phạt bị cáo Giao mức án 05 (Năm) năm tù về 02 tội là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù ở phần lời nói sau cùng, bị cáo Trần Đình G thừa nhận về tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên bị cáo không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là có căn cứ nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Đình G mà cần chấp nhận quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã trình bày tại phiên tòa hôm nay, giữ nguyên tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo Trần Đình G.

[4.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị H1, Đỗ Minh T, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Đỗ Minh T không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị H1 là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Minh T. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo H, H1, T xuất trình thêm tài liệu mới thể hiện: bị cáo Phạm Thị H có bố đẻ là ông Phạm Quang H là bệnh binh, gia đình có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương); gia đình bị cáo Trần Thị H1 có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương) và bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; gia đình bị cáo Đỗ Minh T có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương), mẹ bị cáo T hiện nay đang phải điều trị ung thư vú. Hội đồng xét xử thấy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đã trình bày.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Trần Đình G không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Kháng cáo của các bị cáo Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình G; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh N đối với bị cáo Trần Đình G, cụ thể:

[1.1]. Tuyên bố bị cáo Trần Đình G phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”;

[1.2]. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 228; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bị cáo Trần Đình**

G 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Đình G phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2022.

[2]. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh N đối với các bị cáo Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1, cụ thể:

[2.1]. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị H, Đỗ Minh T, Trần Thị H1 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[2.2]. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bị cáo Đỗ Minh T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/12/2022.

[2.3] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bị cáo Phạm Thị H** 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 13/12/2022 đến ngày 03/6/2023.

[2.4]. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bị cáo Trần Thị H1** 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/12/2022.

[3]. Về án phí: Bị cáo Trần Đình G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Đỗ Minh T, Phạm Thị H, Trần Thị H1, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo Trần Thị H1 đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0004962 ngày 17/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các bị cáo Giao, T, H1 (qua Trại);
- Bị cáo H (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HC-TP TANDCC tại Hà Nội.

Mai Anh Tài

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huyền Cường Nguyễn Phan Nam

Mai Anh Tài